

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-PT
Ngày 10-01-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán, hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán, hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 234/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Nhựt T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Ông Phan Văn N, sinh năm: 1967;

2. Bà Tống Thị B, sinh năm: 1967;

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2020, trong bản tự khai cùng ngày, nguyên đơn bà Bà Trần Thị Nhựt T trình bày:

Ngày 17/7/2019 ông Phan Văn N và bà Tống Thị B có viết giấy xác nhận nợ cho cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản T và hiện nay ông N, bà B còn nợ lại cửa hàng T số tiền là 600.455.000 đồng và cam kết trả hết nợ trong thời gian 30 ngày kể từ ngày viết biên nhận nợ nhưng đến nay vẫn không trả cho cửa hàng. Ông N và bà B đã đồng ý giao lại cho cửa hàng một tài sản là quyền sử dụng đất tại ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Long An, lúc này quyền sử dụng đất đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Agribank phòng giao dịch H. Do không có khả năng trả nợ nên bà T đã thay ông N và bà B thanh toán cho Ngân hàng Agribank phòng giao dịch H số tiền gốc và lãi quá hạn là 135.283.151 đồng, chứng từ giao dịch số 12210060000026 ngày 21-12-2020.

Bà T khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn N và bà Tống Thị B liên đới hoàn trả cho cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản T tổng số tiền là 600.455.000 đồng và hoàn trả cho bà T số tiền là 135.283.151 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của Nhà nước đối với số tiền 600.455.000 đồng từ ngày 17/7/2019.

Bị đơn ông Phan Văn N và bà Tống Thị B được Tòa án nhân dân huyện T tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án ngày 28/01/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 vào ngày 28/01/2021, lần 2 ngày 03/03/2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 22/06/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 14/07/2021 đúng theo quy định tại Điều 173, 174, 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 nhưng ông Phan Văn N và bà Tống Thị B cố tình vắng mặt nên trong hồ sơ không thể hiện được lời khai của ông Phan Văn N và bà Tống Thị B nên Tòa án nhân dân huyện T tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 288, 357, 430, 463, 464, và Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nhựt T và Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản T.

Buộc ông Phan Văn N và bà Tống Thị B liên đới hoàn trả cho Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản T số tiền gốc và lãi là 728.913.685 đồng (Trong đó tiền gốc là 600.455.000 đồng, tiền lãi là 128.913.685 đồng); trả cho bà Trần Thị Nhựt T số tiền gốc và lãi là 157.103.870 đồng (Trong đó tiền gốc là 135.283.151 đồng, tiền lãi là 21.820.721 đồng). Tổng cộng hai khoản là 886.017.555 đồng .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phan Văn N, bà Tống Thị B phải chịu là 38.580.526 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản T (bà Trần Thị Nhựt T) không phải chịu án phí nên được hoàn trả 16.714.763 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001382 ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2021 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 335/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về thời gian tính lãi đối với khoản tiền 600.455.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, sửa bản án sơ thẩm; nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T được làm đúng theo quy định tại Điều 279 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị Nhựt T, các bị đơn ông Phan Văn N, bà Tống Thị B được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn

[3] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản T do bà Trần Thị Nhựt T đại diện theo pháp luật là nguyên đơn trong vụ án. Tuy nhiên theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 50E8001970 của Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện T thì bà Trần Thị Nhựt T đăng ký kinh doanh Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản T với loại hình hộ kinh doanh có đăng ký lần đầu ngày 02/11/2018, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 14/01/2019 và bà T là đại diện hộ kinh doanh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015, đối chiếu với Điều 74 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản T là loại hình hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản T là nguyên đơn là không đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy cần chỉnh sửa tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn là bà Trần Thị Nhựt T để đảm bảo công tác thi hành án.

[4] Bà Trần Thị Nhựt T khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn N và bà Tống Thị B thanh toán hai khoản tiền, một khoản tiền từ giấy xác nhận nợ ngày 17/7/2019 với số tiền 600.455.000 đồng, một khoản tiền từ chứng từ giao dịch ngày 21/12/2020 là 135.283.151 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông N và bà B thanh toán hai khoản tiền này, các bên không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T về thời điểm tính lãi của số tiền 600.455.000 đồng thấy rằng:

[5.1] Trong giấy tay xác nhận nợ ngày 17/7/2019 bà B thoả thuận thanh toán số tiền 600.455.000 đồng trong 30 ngày kể từ ngày làm biên nhận nợ, như vậy đến ngày 17/8/2019 phía bà B không thanh toán nợ mới xem là vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền phải chịu tiền lãi chậm trả. Vì vậy thời gian chậm trả từ ngày 17/8/2019, nên có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

[5.2] Từ ngày 17/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/9/2021 tiền lãi phải thanh toán là: $600.455.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 123.929.909 \text{ đồng}$.

[5.3] Tổng số tiền vốn gốc và lãi của khoản 600.455.000 đồng là 724.384.909 đồng.

[6] Đối với số tiền 135.283.151 đồng: Trong toàn bộ quá trình thụ lý, bà Nhựt T không yêu cầu tính lãi, tại phiên toà sơ thẩm, bà Nhựt T mới có yêu cầu tính lãi của số tiền này từ ngày 30/01/2020 là vượt quá yêu cầu khởi kiện, vì vậy cần sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền lãi của số tiền 135.283.151 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N và bà B phải chịu án phí trên số tiền trả cho bà Nhựt T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ Điều 26, 37, 39, 68, 147, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 74, 288, 357, 430, 463, 464, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nhựt T chủ hộ kinh doanh Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản T và cá nhân bà Trần Thị Nhựt T đối với ông Phan Văn N và bà Tống Thị B.

Buộc ông Phan Văn N và bà Tống Thị B liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị Nhựt T số tiền gốc và lãi là 724.384.909 đồng (Trong đó tiền gốc là 600.455.000 đồng, tiền lãi là 123.929.909 đồng); và hoàn trả cho bà Trần Thị Nhựt T số tiền 135.283.151 đồng từ giao dịch ngày 21/12/2020. Tổng cộng hai khoản là 859.668.060 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn N, bà Tống Thị B phải liên đới chịu 37.790.042 đồng.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Nhựt T 16.714.763 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0001382 ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga